

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 20-6-2023
V/v “Không công nhận quan
hệ là vợ chồng.”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ L – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Kim

Ông Đặng Nguyễn Văn Tích

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ L - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ L - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ L – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về “*Không công nhận quan hệ là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1958

Địa chỉ: , phường I, thành Phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954

Địa chỉ: , phường I, thành Phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng. (*bà S có mặt tại phiên toà, ông L có đơn xin vắng mặt tại phiên toà*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn L không đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới vào năm 1993 tại thôn Phú Sum, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn sống tại , phường I, thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1994, ông Nguyễn Văn L sang định cư tại Hoa Kỳ. Hiện đã về Việt Nam trú tại , phường I, thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyện vọng của bà S: Yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt không công nhận vợ chồng với ông Nguyễn Văn L.

- *Về con chung*: Bà S với ông L có 01 con chung Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 19/4/1998 đã trưởng thành có việc làm.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

Ngoài ra bà Trần Thị S không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Ông L vắng mặt tại phiên tòa. Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn L trình bày:

Ông L với bà S tự nguyện đến với nhau, không đăng ký kết hôn có tổ chức lễ cưới vào năm 1993. Sau khi kết hôn sống tại , phường I, thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1994, ông L sang Hoa Kỳ sinh sống và định cư. Hiện đã về Việt Nam trú tại , phường Y, thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyện vọng của ông L: Yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đ L không công nhận vợ chồng với bà Trần Thị S.

- *Về con chung*: Ông L bà S có 01 con chung Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 19/4/1998 đã trưởng thành, có việc làm.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

Ngoài ra ông Nguyễn Văn L không trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị S khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà với bị đơn Nguyễn Văn L là vợ chồng, bị đơn có nơi cư trú tại phường 10, thành phố Đ L, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ L. Tại phiên tòa hôm nay ông L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, trước đó đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, vì vậy căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy nguyên đơn bà Trần Thị S và bị đơn Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 mặc dù bà S, ông L có đủ điều kiện kết hôn nhưng vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì việc sống chung nhưng không tiến hành đăng ký

kết hôn giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay cả hai bên đều thừa nhận năm 1994 ông L bà S đã ly thân, bà Trần Thị S và bị đơn Nguyễn Văn L cùng có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa hai người là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn L, tuyên bố quan hệ giữa bà S và ông L không phải là vợ chồng là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung:

Bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn L có 01 con chung Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 19/4/1998. Hiện con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn bà Trần Thị S được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 2, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Các đương sự không có yêu cầu do con chung đã trưởng thành có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị S được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS thành phố Đ L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Hùng